TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày: 25/12/2024

Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản quyền sử dụng đất và tranh chấp chia tài sản chung (nhà ở)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Bá Lân

2. Ông Bùi Trưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2022, về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản quyền sử dụng đất và tranh chấp chia tài sản chung (nhà ở)"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-DS ngày 04/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2023/QĐST-DS ngày 28/12/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 28/02/2024; Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 525/TB-TA ngày 28/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2024/QĐST-DS ngày 14/9/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 74/2024/QĐST-DS ngày 25/9/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 84/2024/QĐST-DS ngày 20/11/2024 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 722/TB-TA ngày 04/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê L, sinh năm 1957; địa chỉ: Số F đường A, khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê C, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Ông Lê B, sinh năm 1967; địa chỉ: Số H Buôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Lê Thị T, ông Lê B cùng ủy quyền cho ông Lê L, theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/9/2023.

3.3. Bà Lê Thị T1 (D), sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3.4. Bà Lê Thị H (Sở), sinh năm 1966; địa chỉ: Số B bis L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H ủy quyền cho ông Lê L theo hợp đồng ủy quyền ngày 25/9/2023

3.5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3.6 Ủy ban nhân dân xã Đ; địa chỉ: xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã Đ.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện M; địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện M.

3.8. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: Số A H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

3.9. Anh Lê Quang Đ

3.10. Anh Lê Quang H1

3.11. Chị Nguyễn Thị Thanh D1, sinh năm 1991

3.12. Cháu Lê Quang T3, sinh năm 2015

Người đại diện hợp pháp của cháu T3 là anh Lê Quang H1, chị Nguyễn Thị Thanh D1 (là cha mẹ đẻ của cháu T3).

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3.13. Ông Phạm Văn X, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn I, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3.14. Bà Lê Thị N (Thi Nhi T), sinh năm 1952; địa chỉ: E Rue Étienne R L (Pháp).

Ông Lê L, bà Lê Thị T, ông Lê B có mặt. Bà Lê Thị T1 (D), ông Phạm Văn X, bà Lê Thị N (Thi Nhi T), người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân huyện M vắng mặt, có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lê C, bà Nguyễn Thị T2, anh Lê Quang Đ, anh Lê Quang H1, chị Nguyễn Thị Thanh D1, cháu Lê Quang T3 (người đai diện hợp pháp của cháu T3 là Lê Quang H1 và chị Nguyễn Thị Thanh D1) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T, bà Lê Thị H, ông Lê B là ông Lê Lập trình B1:

Cụ Lê Quang P (có tên gọi khác Lê P, chết năm 1986) và cụ Nguyễn Thị T4 (chết năm 2000) có 06 người con gồm: Ông Lê C, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 (tên gọi khác D), bà Lê Thị H (tên gọi khác: Sở), ông Lê B và ông (Lê L).

Cụ Lê Quang P có đời vợ trước là bà Trần Thị C1, có 01 người con chung là Lê Thị T5, bà T5 có chồng và có 01 con chung tên Phạm Văn X, hiện nay bà C1, bà T5 và chồng bà T5 đều đã chết. Cụ Nguyễn Thị T4 có đời chồng trước, họ tên không rõ và có 01 người con tên Lê Thị N.

Ngoài ra, cụ P, cụ T4 không còn người con nào khác.

Nguyên cha mẹ ông thừa hưởng thửa đất vườn ông bà nội để lại, thửa đất số 579, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.280m^2, xã Đ, huyện M. Năm 1997, ông Lê C đã tự ý đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L740189, số vào sổ 00904 QSDĐ/1127/QĐ-UB(H) đối với thửa đất 579 nêu trên. Đến năm 2017, ông Lê C xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CL588041, số vào sổ CS01112 ngày 13/9/2017, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.280m^2, xã Đ. Năm 2021, ông Lê C tiếp tục xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 220381, số vào sổ CS02051 ngày 16/6/2021, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5, diện tích là 1.310,4m^2. Việc ông Lê C đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông và các anh chị em đều không biết.

Trên thửa đất hiện nay có ngôi nhà thờ cha mẹ, ông bà, tổ tiên do các anh, chị, em, con, cháu góp xây dựng từ giữa năm 2019, diện tích khoảng 180m^2. Ngôi nhà được chia làm 2 phần chính là nhà trên và nhà ngang. Nhà trên thờ cúng ông bà cha mẹ; nhà ngang hiện nay gia đình ông Lê C đang sử dụng. Khi xây dựng nhà thì ông Lê C có đóng góp số tiền 200.000.000 đồng và 10 triệu đồng để sửa chữa, xây lại tường rào phía Bắc sau khi bị bão năm 2020.

Khi cụ P, cụ T4 còn sống thì ông Lê C ở cùng cha mẹ. Việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ đều do các anh chị em đóng góp. Khi cha mẹ già yếu thì bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 220381, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS02051, do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Q cấp ngày 16/6/2021, thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.310,4 m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.310,4 m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật thành 06 kỷ phần đều nhau cho các đồng thừa kế gồm: Lê L, Lê Thị T, Lê Thị T1 (D), Lê Thị H (Sở), Lê B và Lê C . Tại đơn trình bày bổ sung ngày 20/10/2023, ông L yêu cầu chia thừa kế cho 08 người, trong đó yêu cầu chia cho các đồng thừa kế gồm: Bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 (D), ông Lê B, ông Lê C, bà Lê Thị H (S), bà Lê Thị N, anh Phạm Văn X, ông và ông được nhận chung kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

Ông Lê L yêu cầu chia hiện vật cho 5 anh em (L, Lê Thị T, Lê Thị T1 , Lê Thị H, Lê B) phần đất liền nhau, bao gồm trên đất có ngôi Nhà thờ (diện tích 180m²), kéo dài về hướng Tây Nam của thửa đất và đồng ý thanh toán lại số tiền là 200.000.000 đồng mà gia đình ông Lê C đã đóng góp xây dựng nhà ngang.

Tại phiên tòa ông Lê L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc:

- Chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật thành 08 kỷ phần đều nhau cho các đồng thừa kế gồm: Bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 (D), ông Lê B, ông Lê C, bà Lê Thị H (Sở), bà Lê Thị N, anh Phạm Văn X, ông Lê Lập .1

- Chia tài sản chung là ngôi Nhà thờ (diện tích 180m²) trên thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.310,4 m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Giữ nguyên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 220381, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS02051, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/6/2021, thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.310,4 m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2022, bị đơn ông Lê C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Về quan hệ huyết thống cụ Lê Quang P (có tên gọi khác Lê P, chết năm 1986) và cụ Nguyễn Thị T4 (chết năm 2000) có 06 người con như nguyên đơn trình bày.

Ngoài ra, cụ P có đời vợ trước là bà Trần Thị C1, có 01 người con chung là Lê Thị T5, bà T5 có chồng và có 01 con chung tên X, hiện nay bà C1, bà T5 và chồng bà T5 đều đã chết. Cụ Nguyễn Thị T4 có đời chồng trước, họ tên không rõ và có 01 người con tên Lê Thị N.

Về nguồn gốc thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.310,4 m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nguyên trước đây là thửa đất 579, tờ bản đồ số 7 là của ông bà để lại cho cụ P, cụ T4 quản lý, sử dụng xây dựng nhà ở từ năm 1975. Quá trình quản lý, sử dụng cụ P, cụ T4 đăng ký, kê khai thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Năm 1985, ông cưới vợ là bà Nguyễn Thị T2 về cùng sống với cha mẹ tại nhà đất này. Trước khi chết, cụ P có mời địa chính xã xuống nhà lập giấy để lại nhà đất trên cho vợ chồng ông nhưng hiện nay không có để cung cấp cho Tòa án.

Sau khi cụ P chết năm 1986, vợ chồng ông cùng với cụ T4 quản lý, sử dụng nhà đất trên. Năm 1997, cụ T4 kê khai nhưng để cho ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/12/1997, UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 740189, thửa đất 579, tờ bản đồ số 7, diện tích 1280m^2 cho hộ ông Lê Cơ . Năm 2000, cụ T4 chết, vợ chồng ông tiếp tục quản lý, sử dụng đất đến năm 2017 và năm 2021, vợ chồng ông được Nhà nước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mẹ và các anh em đều biết nhưng không ai có ý kiến tranh chấp khiếu nại gì.

Về tài sản trên đất: Khi cha mẹ còn sống thì trên đất có ngôi nhà do cha mẹ xây dựng từ năm 1975, phần nhà chính xây gạch, lợp ngói; phần nhà ngang vách đất, lợp tranh. Năm 1993, nhà ngang bị hư hại nên cụ T4 xây dựng lại nhà gạch, lợp ngói và láng xi măng phần nhà trên. Năm 2019, các anh em họp thống nhất phá dỡ toàn bộ nhà và các công trình phụ trên đất để xây dựng lại nhà mới như hiện nay. Tổng số tiền xây dựng bao nhiêu và các anh em đóng góp bao nhiêu thì ông không biết, riêng vợ chồng ông đóng góp số tiền 220.000.000 đồng.

Hiện nay vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng phần nhà ngang, còn phần nhà trên ông Lê L không cho vợ chồng ông sử dụng, chỉ mở cửa để thắp hương cho ông bà.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật cho các anh chị em thì ông không đồng ý. Vì khi còn sống cha mẹ đã lo cho các anh chị em có chỗ ở, cơ ngơi riêng; riêng ông ở với cha mẹ từ nhỏ đến khi cha mẹ chết tại thửa đất trên, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật. Khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh chị em đều biết nhưng không ai có ý kiến tranh chấp gì.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/23/2024, ngày 30/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn X, bà Lê Thị T1 trình bày: Thống nhất nội dung đơn khởi kiện của ông Lê L; phần tài sản được hưởng thừa kế thống nhất giao cho ông Lê L nhận để gộp vào khối tài sản chung để duy trì việc thờ cúng ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện M trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Thửa đất số 579, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299/TTg) nay thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5 (bản đồ đo vẽ năm 2004) của xã Đ có nguồn gốc thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Lê Quang P. Quá trình sử dụng ông Lê Quang P kê khai, đăng ký có tên trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu số 5b do UBND xã Đ lập ngày 13/8/1987 theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê

ruộng đất trong cả nước, với diện tích là 1.280m^2, loại ruộng đất T. Năm 1987, ông Lê Quang P chết, đất do vợ là bà Nguyễn Thị Th sử D2 đến năm 2000 thì bà T4 chết.

Năm 1997, ông Lê C (con trai ông Lê Quang P) kê khai đăng ký được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 740189, số vào số 00904 QSDĐ/1127/QĐ-UB 1997, cấp ngày 31/12/1997, tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.280m^2, trong đó có 200m^2 đất ở lâu dài và 1.080m^2 đất vườn.

Ngày 21/8/2017, ông Lê C đăng ký thủ tục kê khai cấp đổi và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 588041, số vào sổ CS 01112, cấp ngày 13/9/2017 cho hộ ông Lê C tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.1310,4m^2. Ngày 31/5/2021, ông Lê C tiếp tục kê khai cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do: Cấp theo hiện trạng, ranh giới sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành DC 220381, số vào sổ CS 02051, cập ngày 16/6/2021 cho hộ ông Lê C .

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê L, UBND huyện M đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND xã Đ trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất 579, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299/TTg), xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, đo vẽ năm 2004) là của ông bà để lại cho ông Lê Quang P (là cha của ông L, ông C) quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng ông Lê Quang P kê khai, đăng ký có tên trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5b do UBND xã Đ lập năm 1987 theo Chỉ thị 299/TTg, diện tích 1.280m^2, loại ruộng đất T. Năm 1987, ông P chết, thửa đất trên do vợ ông P là bà Nguyễn Thị T4 quản lý, sử dụng. Năm 1997, ông Lê C kê khai, đăng ký được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2017 và năm 2021, ông Lê C làm thủ tục cấp đổi và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất nêu trên là của ông bà để lại cho ông Lê Quang P làm vườn ở nên không đưa vào cân đối theo Nghị định 64/Cp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1, anh Lê Quang H1, anh Lê Quang Đ, chị Nguyễn Thị Thanh D1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách của những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 220381, số vào sổ CS 02051, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/6/2021 cho hộ ông Lê C tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bà Lê Thị T1, ông Phạm Văn X, bà Lê Thị N, người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, Ủy ban nhân dân huyện M, Ủy ban nhân dân xã Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lê C, bà Nguyễn Thị T2, anh Lê Quang Đ, anh Lê Quang H1, chị Nguyễn Thị Thanh D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện và đơn trình bày bổ sung ngày 20/10/2023, nguyên đơn yêu cầu giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 220381, số vào sổ CS02051, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/6/2021, thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.310,4m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Lê Quang P, cụ Nguyễn Thị T4 là quyền sử dụng đất thửa đất 97 nêu trên thành 08 kỷ phần đều nhau cho các đồng thừa kế gồm: Lê L, Lê Thị T, Lê Thị T1 (D), Lê Thị H (Sở), Lê B, Lê C, bà Lê Thị N và anh Phạm Văn X; yêu cầu giải quyết để các ông bà Lê L, Lê Thị T, Lê Thị T1 (D), Lê Thị H (Sở), Lê B được sở hữu toàn bộ ngôi nhà trên đất và đồng ý trả lại số tiền là 200.000.000 đồng mà gia đình ông Lê C đã đóng góp xây dựng nhà ngang. Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* là chưa đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là*"Tranh chấp về thừa kế tài sản quyền sử dụng đất và tranh chấp chia tài sản chung (nhà ở)"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp quy định tại các Điều 26, 34, 37 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về các yêu cầu: Chia di sản thừa kế quyền sử dụng thửa đất 97 theo quy định của pháp luật thành 08 kỷ phần đều nhau cho các đồng thừa kế; yêu cầu chia ngôi nhà thờ (diện tích xây dựng 180m²) trên thửa đất 97. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 220381, số vào sổ CS02051 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Lê C ngày 16/6/2021, thửa đất 97 vì lý do nguồn gốc thửa đất 97 là của cha mẹ (cụ Lê Quang P, cụ Nguyễn Thị T4) để lại, các anh chị em đã đóng góp tiền để xây dựng ngôi nhà thờ trên đất để thờ cúng ông bà; việc UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L740189, số vào sổ 00904 QSDĐ/1127/QĐ-UB(H) đối với thửa đất 579 và Sở T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 220381, số vào sổ CS02051 ngày 16/6/2021, thửa đất số 97 (biến động từ thửa 579) cho hộ ông Lê C là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo nguyên đơn trình bày, cuối năm 2021, khi các anh chị em về nhà thờ trên thửa đất 97 để cúng giỗ thì giữa các anh em và ông Lê C phát sinh mâu thuẫn, ông C cho rằng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngăn cản các anh em thờ cúng ông bà. Ông có đơn yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - chi nhánh huyện M cung cấp thông tin thì mới biết hộ ông Lê C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 97. Tại các Phiếu cung cấp thông tin địa chính số 280/PCC-CNHMD và số 281/PCC-CNHMD cùng ngày 04/11/2021, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - chi nhánh huyện M cung cấp cho ông Lê L các thông tin về các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê C, thửa đất số 97. *Theo điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính, được hướng dẫn tại Công văn số 207/TANDTC-PC ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện là "01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc". Trường hợp người khởi kiện không phải là đối tượng bị tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu kể từ ngày họ biết được cụ thể số, ngày, nội dung của quyết định hành chính đó.* Như vậy, ông L không trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 97; không phải là đối tượng được cấp, được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Do đó, ngày 22/12/2021, ông L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 220381, số vào sổ CS02051, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/6/2021, thửa đất 97 là còn thời hiệu.

[2.2] Các bên đương sự đều thừa nhận: Cụ Lê Quang P (có tên gọi khác Lê P và cụ Nguyễn Thị T4 có 06 người con gồm: Ông Lê L, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 (tên gọi khác D), bà Lê Thị H (tên gọi khác: Sở), ông Lê B và ông Lê C .

Ngoài ra, cụ Lê Quang P có đời vợ trước là bà Trần Thị C1, có 01 người con chung là Lê Thị T5, bà T5 có chồng (không rõ họ tên) và có 01 con chung là Phạm

Văn X. Bà T5 chết năm 1973, cụ C1 và chồng bà T5 đều đã chết. Cụ Nguyễn Thị T4 có 01 người con tên Trương Thị N1. Ngoài ra, cụ T4, cụ P không còn người con nào khác, kể cả con nuôi.

Cụ P chết năm 1986, cụ T4 chết năm 2000, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P, cụ T4: gồm cụ Nguyễn Thị T4, ông Lê L, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 (tên gọi khác D), bà Lê Thị H (tên gọi khác: Sở), ông Lê B, ông Lê C, bà Lê Thị N và ông Phạm Văn X.

[2.3] Theo Công văn số 441/UBND-KT ngày 29/4/2022; phiếu cung cấp thông tin địa chính số 265/PCC-CNMĐ ngày 22/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện M thì thửa đất số 579, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299/TTg) nay thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5 (bản đồ đo vẽ năm 2004) của xã Đ có nguồn gốc thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Lê Quang P kê khai, đăng ký, có tên trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu số 5b do UBND xã Đ lập ngày 13/8/1987 theo Chỉ thị số 299/TTg, với diện tích là 1.280m^2, loại ruộng đất T. Năm 1987, cụ Lê Quang P chết, thửa đất trên do cụ Nguyễn Thị Th sử D2 đến năm 2000 thì cụ T4 chết.

Năm 1997, ông Lê C (con trai ông Lê Quang P) kê khai đăng ký được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 740189, số vào số 00904 QSDĐ/1127/QĐ-UB 1997, cấp ngày 31/12/1997, tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.280m^2, trong đó có 200m^2 đất ở lâu dài và 1.080m^2 đất vườn.

Ngày 21/8/2017, ông Lê Cơ L thủ tục kê khai cấp đổi và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 588041, số vào sổ CS 01112, cấp ngày 13/9/2017 cho hộ ông Lê C tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.131,4m^2. Ngày 31/5/2021, ông Lê C tiếp tục kê khai cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do: Cấp theo hiện trạng, ranh giới sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành DC 220381, số vào sổ CS 02051, cập ngày 16/6/2021 cho hộ ông Lê C . Tại Biên bản làm việc ngày 28/10/2022, UBND xã Đ cung cấp thông tin thể hiện thửa đất 97 nêu trên là vườn ở nên không đưa vào cân đối theo Nghị định 64/CP.

[2.4] Ông C, bà T2 thừa nhận nguồn gốc thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là của ông bà để lại cho cụ P, cụ T4 quản lý, sử dụng xây dựng nhà ở từ năm 1975. Quá trình quản lý, sử dụng cụ P, cụ T4 đăng ký, kê khai thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bị đơn cho rằng khi còn sống cha mẹ đã lo cho các anh chị em có chỗ ở, cơ ngơi riêng; riêng vợ chồng bị đơn ở với cha mẹ từ nhỏ đến khi cha mẹ chết, thửa đất trên được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên không đồng ý chia thừa kế. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh được cha mẹ tặng cho đất hoặc di chúc để lại tài sản trên cho bị đơn.

[2.5] Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5 (bản đồ đo vẽ năm 2004) là của cụ P, cụ T4 tạo lập. Cụ P chết năm 1986 thì ½ thửa đất nêu trên là di sản của cụ P để lại cho cụ T4 và các đồng gồm: ông Lê L, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 (tên gọi khác D), bà Lê Thị H (tên gọi khác: Sở), ông Lê B, ông Lê C,

bà Trương Thị N1 và ông Phạm Văn X. Tuy nhiên, ông Lê C đăng ký, kê khai, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 740189, số vào số 00904 QSDĐ/1127/QĐ-UB 1997, cấp ngày 31/12/1997, thửa đất số 579, trong khi không có di chúc của cụ P hay văn bản của các đồng thừa kế của cụ P, cụ T4 tặng cho đất ông Lê C, là cấp không đúng đối tượng, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác của cụ P, cụ T4. Do đó, ông Lê L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê C đối với thửa đất 97 nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc số tiền 11.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản 9.000.000, tổng cộng 20.000.000 đồng. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu chi phí tố tụng nêu trên theo quy định tại các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê L đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

[4] Về án phí: Ông Lê L L1 người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, các Điều 34, 37, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 221, 234, 612, 613, 614, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê L về các yêu cầu:

- Chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật thành 08 kỷ phần đều nhau cho các đồng thừa kế gồm: Lê L, Lê Thị T, Lê Thị T1 (D), Lê Thị H (Sở), Lê B, Lê C, Lê Thị N, Phạm Văn X.

- Chia tài sản chung là ngôi Nhà thờ (diện tích 180m²) trên thửa đất 97, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.310,4 m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê L, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 220381, số vào sổ CS 02051, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Q cấp ngày 16/6/2021 cho hộ ông Lê C tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí thẩm định giá tài sản tổng số tiền 20.000.000 đồng. Ông Lê L đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê L.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng